

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**

Năm báo cáo : 2014.

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH**
- Giấy CNĐKDN Công ty Cổ phần số: 5 8 0 0 2 5 5 5 7 4.
- Vốn điều lệ: 12.600.000.000 VND. (Mười hai tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 12.600.000.000 VND. (Mười hai tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Số 05 – Thôn Hiệp Thành I – xã Tam Bồ - huyện Di Linh – tỉnh Lâm Đồng.
- Số điện thoại: 063.3872 002; 063.3872 378.
- Số fax: 063.3872 205.
- Website: www.tuynenhiepthanh.com.

2. Quá trình hình thành và phát triển

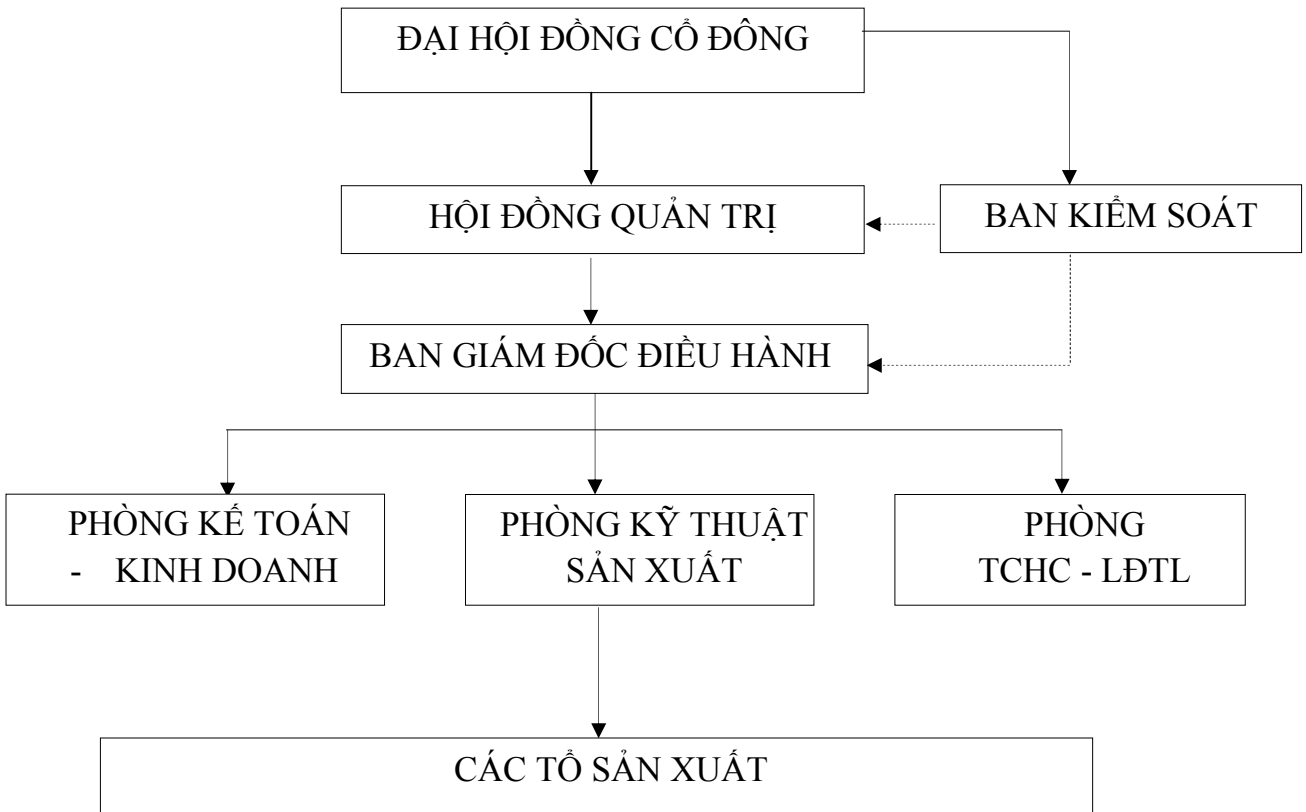
- Cổ phần hóa từ Xí nghiệp Hiệp Thành trực thuộc Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng.
Ngày thành lập : 03/01/2000.
- Vốn điều lệ đăng ký kinh doanh lần đầu : 15.600.000.000 VND.
- Vốn điều lệ thay đổi ngày 02/07/2007 : 12.600.000.000 VND.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết : sản xuất các sản phẩm gạch, ngói các loại.
- Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Lâm Đồng và vùng lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý:



5. Định hướng phát triển

Phát triển bền vững, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, vì lợi ích của Cổ đông và Người lao động trong Công ty.

- Tập trung sản xuất đạt kế hoạch đã đề ra, đảm bảo cơ cấu phù hợp từng loại trong nhóm sản phẩm chủ lực gạch xây; duy trì hợp lý số lượng các loại ngói và gạch trang trí; tập trung việc nâng cao chất lượng và mẫu mã sản phẩm.
- Phân đầu tiêu thụ 100% sản lượng sản phẩm đã sản xuất trong năm, giữ ổn định thị trường truyền thống, phát triển thị trường mới.
- Xây dựng phương án và triển khai thực hiện nhằm đưa ra thị trường các loại sản phẩm VLXD khác tại tỉnh Lâm Đồng và vùng lân cận.

6. **Các rủi ro:** Thị trường tiêu thụ biến động thất thường không ổn định, ngành kinh doanh vật liệu xây dựng trong các năm gần đây gặp khó khăn, thị trường thu hẹp, sức mua của thị trường giảm.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	So sánh với kế hoạch (%)	So sánh với năm 2013 (%)
Sản lượng sản xuất	Triệu Kg	50,02	50,00	46,36	92,72	92,68
Sản lượng tiêu thụ	Triệu Kg	49,25	50,00	46,62	93,24	94,66
Doanh thu	Tỷ đồng	35,31	36,00	33,58	93,28	95,10
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,42	4,20	3,86	103,30	98,19
Nộp thuế	Tỷ đồng	3,33	3,00	2,86	95,33	85,89
Tạm ứng cổ tức	%	25	20	20	100,00	80,00
Quỹ lương	Tỷ đồng	10,50	10,80	10,8	100,00	102,86
Thu nhập bình quân	Triệu đồng người/tháng	6.120.000	6.250.000	6.250.000	100,00	102,12
Lao động bình quân	Người	133	140	134	95,71	100,75

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

a. Giám Đốc :

- Họ và tên : **Phạm Tuấn Anh.**
- Năm sinh : 1964. Giới tính: Nam.
- Địa chỉ : 871, Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình công tác :

- + 1996 – 2000: Kỹ sư hóa – silicat – Giám đốc Xí nghiệp Hiệp Thành.
- + 2001 – 2007: Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần VLXD Lâm Đồng.
- + Từ 2007: Giám đốc Công ty.

Sở hữu cổ phần : 16.780 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,33%.

b. Phó Giám Đốc :

- Họ và tên: **Nguyễn Xuân Vinh.**
- Năm sinh: 1966 Giới tính: Nam.
- Địa chỉ: Số 2, Lương Thế Vinh, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Quá trình công tác:

- + 1988 – 1989 : Trung cấp kế toán – nhân viên kế toán.
- + 1989 - 2005: Cử nhân Kinh tế – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hiệp Thành.
- + 2005 – 2007: Quyền Giám Đốc Công ty Cổ phần Hiệp Thành.

+ Từ 2007: Phó Giám Đốc Công ty.
Sở hữu cổ phần : 13.960 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,11%.

c. Kế Toán Trưởng :

- Họ và tên : **Đoàn Ngọc Trâm.**
- Năm sinh : 1968. Giới tính: Nam.
- Địa chỉ : xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình công tác :

- + 2003 – 2005: Cử nhân kinh tế - Kế toán viên.
- + Từ 2005: Kế toán trưởng Công ty.
- Sở hữu cổ phần : 8.490 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,67%.

– Số lượng cán bộ, nhân viên: 139 lao động.

Trong đó : + Cán bộ : 07 người.

+ Nhân viên văn phòng: 07 người.

+ Nhân viên phân xưởng: 04 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tổng giá trị đầu tư trong năm 2014 :240.000.000 đồng

- Đầu tư trang bị 01 Máy phân tách dạng vít xoắn giá trị 180.000.000 đồng - đã hoàn thành.
- Đầu tư trang bị Máy bơm cáo áp với giá trị 60.000.000 đồng - đã hoàn thành.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	25.576.417.044	25.540.926.530	-0,14
Doanh thu thuần	35.306.705.925	33.577.855.778	-4,89
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.322.890.758	3.648.790.792	-15,59
Lợi nhuận khác	94.968.465	207.254.328	218,23
Lợi nhuận trước thuế	4.417.859.223	3.856.045.120	-12,72
Lợi nhuận sau thuế	3.226.148.311	3.003.668.110	-6,90
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	25,00	20,00	-20,00

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ HS thanh toán ngắn hạn:	Lần	3,94	3,45	
+ HS thanh toán nhanh:	Lần	2,00	1,85	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ HS Nợ/Tổng tài sản	(%)	20,52	23,77	
+ HS Nợ/Vốn chủ sở hữu	(%)	25,83	31,19	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	2,95	3,34	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,38	1,31	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ HS Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(%)	9,14	8,95	
+ HS Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	(%)	15,87	15,43	
+ HS Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	(%)	12,61	11,76	
+ HS LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	(%)	16,90	10,87	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 1.260.000 cổ phần.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do : 1.260.000 cổ phần.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Danh sách cổ đông lớn :

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ
01	Công ty Cổ phần Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	756.260 cổ phần	60,02%

- Danh sách các cổ đông là tổ chức :

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ
01	Công ty Cổ phần Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	756.260 cổ phần	60,02%
02	Công ty Cổ phần xây Dựng I Lâm Đồng	20.000 cổ phần	1,59%

- Công ty không có cổ đông là người nước ngoài.
- Công ty không có cổ đông nhà nước.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có biến động.

- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ và trong năm Công ty không phát sinh giao dịch mua, bán cổ phiếu quỹ.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2014 tình hình chung của thị trường vẫn chưa hết khó khăn, nhận thức được tình hình chung cũng như tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị (HĐQT) luôn kiên định thực hiện những chủ trương, kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, đồng thời giám sát chặt chẽ và chỉ đạo một cách sát sao hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhìn chung năm 2014 công ty đã không đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra nhưng công ty đã cơ bản hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức chi trả cho cổ đông. Đồng thời xây dựng các định hướng hoạt động cho chặng đường tiếp theo thông qua việc định hình một cách rõ ràng về mô hình tổ chức hoạt động.

Năm 2015 các yếu tố khó khăn vẫn còn tồn tại, thu hoạch nông sản của người dân kém do bị mất mùa nên sức mua thấp, thị trường tiêu thụ bị chia nhỏ do nhiều nhà máy sản xuất cùng loại sản phẩm giảm giá bán...

Bên cạnh những khó khăn, Công ty có được những thuận lợi như lao động và dây chuyền sản xuất luôn ổn định, sự đồng tâm hiệp lực cố gắng vượt qua khó khăn của toàn thể cán bộ, công nhân của toàn công ty, nguồn nguyên liệu cho sản xuất ổn định về lượng và giá mua, một số khách hàng vẫn gắn bó với sản phẩm của Công ty vì chất lượng sản phẩm và thái độ phục vụ tốt, uy tín.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính : VND.

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
I. Tài sản ngắn hạn	20.709.223.910	20.920.274.985	211.051.075	1,02
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.840.333.043	4.552.723.877	1.712.390.834	60,29
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.292.000.000	4.547.000.000	(745.000.000)	(14,08)
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.260.169.292	2.144.573.576	(115.595.716)	(5,11)
Trong đó :				
- Phải thu của khách hàng	3.257.255.079	3.158.849.104	(98.405.975)	(3,02)
- Dự phòng phải thu khó đòi	(1.074.065.879)	(1.069.107.500)	4.958.379	(0,46)
4. Hàng tồn kho	10.219.554.084	9.659.752.030	(559.802.054)	(5,48)
5. Tài sản ngắn hạn khác	97.167.491	16.225.502	(80.941.989)	(83,30)
II. Tài sản dài hạn	4.867.193.134	4.620.651.545	(246.541.589)	(5,07)
1. Các khoản phải thu dài hạn				
2. Tài sản cố định	4.867.193.134	3.993.598.366	(873.594.768)	(17,95)
3. Bất động sản đầu tư				
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
5. Tài sản dài hạn khác		627.053.179	627.053.179	
Tổng cộng	25.576.417.044	25.540.926.530	(35.490.514)	(0,14)

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2014: 21.948.147.791 VND.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
I. Nợ ngắn hạn	5.249.547.926	6.071.551.839	822.003.913	15,66
1. Vay và nợ ngắn hạn	0	0	0	
2. Phải trả cho người bán	1.189.152.910	1.910.093.604	720.940.694	60,63
3. Người mua trả tiền trước	81.360.035	58.811.281	(22.548.754)	(27,71)
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	6.278.596	284.911.744	278.633.148	4.437,83
5. Phải trả người lao động	3.618.280.628	3.517.145.516	(101.135.112)	(2,80)
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	62.270.664	46.247.064	(16.023.600)	(25,73)
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	292.205.093	254.342.630	(37.862.463)	(12,96)
II. Nợ dài hạn	0	0	0	0
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	0	0	0
Tổng Cộng	5.249.547.926	6.071.551.839	822.003.913	15,66

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

3.1 Công tác điều hành sản xuất:

Thay đổi phương pháp quản lý lao động, bố trí dây chuyền SX phù hợp kết hợp với cải tiến kỹ thuật nhằm tăng NSLĐ, tiết kiệm tiêu hao vật tư, công cụ cho sản xuất, nhằm giảm chi phí giá thành và đảm bảo cho sản xuất luôn ổn định và phát triển.

3.2 Công tác thị trường :

Cải tiến phương thức tiếp cận khách hàng, chủ động trong đàm phán về giá, phương thức thanh toán, các dịch vụ cung cấp.

Khảo sát, xây dựng hệ thống phân phối trung gian với giá cả hợp lý, cạnh tranh nhất.

4. Kế hoạch năm 2015 :

- Sản lượng SPSX: 48 triệu kg.
- Sản lượng SPTT: 48 triệu kg.
- Doanh thu: 35 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 4,2 tỷ đồng.
- Khấu hao TSCĐ: 1,15 tỷ đồng.
- Quỹ lương: 10,8 tỷ đồng.
- Cổ tức tối thiểu: 20%/năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HDQT) về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HDQT về các mặt hoạt động của Công ty :

Công ty luôn chú trọng công tác đầu tư nhằm nâng chất lượng, số lượng sản phẩm sản xuất. Tổng số giá trị đầu tư trong năm là 1,022 tỷ đồng gồm :

- Sửa chữa nâng cấp 6.189 m2 nhà phoi với trị giá 782 triệu đồng.

- Trang bị Máy phân tách dạng vít xoắn trị giá 180 triệu đồng.
- Máy bơm cao áp trị giá 60 triệu đồng.

Ngoài ra còn cải tạo hệ thống điều khiển tự động nung sấy; Xây mới nhà vệ sinh, nhà tắm cho công nhân trực tiếp sản xuất; Chính trang hàng rào, công, phòng trực, bảng hiệu ...

Công tác thị trường luôn là mục tiêu trọng tâm, Công ty luôn giữ mối quan hệ gắn kết với các Đại lý của các địa bàn trung tâm, luôn nắm bắt thị trường và tìm hiểu khách hàng để có các giải pháp hợp lý về các hình thức cung cấp hàng hóa.

Công tác tài chính kế toán luôn chú trọng để thực hiện tốt các chính sách pháp luật của Nhà nước đồng thời nhằm bảo tồn vốn, sinh lợi ...

Công ty luôn chú trọng đến công tác an toàn vệ sinh lao động, người lao động được trang bị đủ các thiết bị phương tiện an toàn vệ sinh lao động, được chi trả các khoản chế độ chính sách theo đúng các quy định của Nhà nước, cải tạo điều kiện và môi trường làm việc cho người lao động...

Các nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động đến kết quả SX-KD:

Do nhu cầu sử dụng các loại vật liệu xây dựng trên thị trường còn yếu, thị trường bất động sản cả nước nói chung, ở địa phương nói riêng chưa được khơi thông, thu nhập của người dân thấp do mất mùa.

Các doanh nghiệp, nhà máy sản xuất sản phẩm cùng loại đa phần là tư nhân do chính sách thuế của Nhà nước chưa công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp dẫn đến có cạnh tranh lớn về giá bán.

Việc thị trường tiêu thụ bị chia sẻ và thu hẹp ảnh hưởng đến SP tồn kho là nguyên nhân giảm SLSP sản xuất. Từ đó ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác như lợi nhuận, cổ tức.

Công tác thị trường còn hạn chế, chưa đa dạng được các hình thức bán hàng, chưa linh động các hình thức phân phối và chăm sóc khách hàng.

Tổ chức lao động ở các dây chuyền sản xuất cũng như bộ phận quản lý chưa hợp lý, còn dư thừa, sự phối hợp của các phòng ban, tổ đội thiếu đồng bộ nên chất lượng hiệu quả công việc còn thấp.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Trong năm 2014, HĐQT luôn theo sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Ban giám đốc đều là thành viên HĐQT kiêm nhiệm nên mối quan hệ giữa HĐQT và Ban giám đốc điều hành luôn được đảm bảo. Ban giám đốc gồm 02 thành viên hoạt động đều tay, đoàn kết và luôn đảm bảo mối liên hệ với các thành viên HĐQT khác.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.*

Thường xuyên tổ chức họp, trao đổi, bàn bạc nhằm đưa ra những quyết sách kịp thời cho công tác SX- KD.

Phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc giải quyết các tồn tại trong quá trình sản xuất nhằm cải tiến hơn nữa chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí – giảm giá thành.

Tập trung cho công tác thị trường, uyển chuyển, linh hoạt trong từng giai đoạn cụ thể nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty cổ phần Hiệp Thành	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Số lượng chức danh tv HĐQT tại các công ty khác
01	Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc	1,33%	01
02	Nguyễn Xuân Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc	1,11%	
03	Phạm Thị Mỹ Dung	Thành viên HĐQT không điều hành	0,36%	
04	Lê Văn Quý	Thành viên HĐQT không điều hành	0,00%	
05	Nguyễn Văn Trinh	Thành viên HĐQT độc lập	0,00%	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong kỳ, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ hàng quý theo quy định, bên cạnh đó còn tổ chức họp hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng thư tín để thông qua các quyết sách kịp thời chỉ đạo hoạt động SX-KD của Công ty.

Bên cạnh các quyết định đầu tư, HĐQT đã quyết định các kỳ tạm ứng cổ tức, chi cổ tức theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, bổ nhiệm các chức danh điều hành và quản lý công ty. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Chủ tịch HĐQT được hưởng mức thù lao 6.000.000 đồng/ tháng, các thành viên HĐQT hưởng mức thù lao 4.000.000 đồng/tháng.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU
01	Lê Văn Hạnh	Trưởng Ban	0,79%
02	Đặng Thu Diễm	Thành viên	0,16%
03	Lê Nam Đồng	Thành viên	0,00%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:


- BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị “HĐQT”, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế và đóng góp ý kiến với HĐQT và Ban điều hành “BĐH” trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHCĐ phê duyệt tại đại hội năm 2014.

- Cùng với HĐQT, Phòng Kế toán Công ty, việc kiểm tra và kiểm soát đã được thành viên của BKS thực hiện một cách trực tiếp thông qua các buổi làm việc trực tiếp tại Công ty và thông qua trao đổi với đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán DTL.

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Trưởng ban kiểm soát được hưởng mức thù lao 4.000.000 đồng/ tháng, các thành viên BKS hưởng mức thù lao 3.000.000 đồng/tháng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán



RSM DTL Auditing
Connected for Success

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ,
Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +848 3827 5026 | Fax: +848 3827 5027
www.rsm.com.vn | dtico@rsm.com.vn

Số: 15.186/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ Đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hiệp Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty Kiểm toán DTL là thành viên của hệ thống RSM. Mỗi thành viên của Hệ thống RSM là một công ty tư vấn và kiểm toán độc lập tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình. Hệ thống RSM không phải là một pháp nhân riêng rẽ ở bất kỳ quốc gia nào.

3



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Hiệp Thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



TẶNG QUỐC THẮNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0075-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LỘ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		20.920.274.985	20.709.223.910
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.552.723.877	2.840.333.043
1. Tiền	111		554.723.877	828.333.043
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.998.000.000	2.012.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.547.000.000	5.292.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	4.547.000.000	5.292.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	2.144.573.576	2.260.169.292
1. Phải thu khách hàng	131		3.158.849.104	3.257.255.079
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		54.831.972	76.980.092
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.069.107.500)	(1.074.085.879)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	9.659.752.030	10.219.554.084
1. Hàng tồn kho	141		9.659.752.030	10.219.554.084
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.225.502	97.167.491
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	29.888.499
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	54.390.746
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.225.502	12.890.246

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.620.651.545	4.867.193.134
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.993.598.366	4.867.193.134
1. TSCĐ hữu hình	221	5,5	3.953.948.370	4.801.109.802
+ Nguyên giá	222		31.098.284.668	30.858.284.668
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.144.336.198)	(26.057.174.766)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5,6	39.649.996	66.083.332
+ Nguyên giá	228		79.300.000	79.300.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.650.004)	(13.216.668)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		627.053.179	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5,7	627.053.179	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25.540.926.530	25.576.417.044

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.071.551.839	5.249.547.926
I. Nợ ngắn hạn	310		6.071.551.839	5.249.547.926
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.8	1.910.093.604	1.189.152.910
3. Người mua trả tiền trước	313	5.8	58.811.281	81.360.035
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.9	284.911.744	6.278.595
5. Phải trả người lao động	315	5.10	3.517.145.516	3.618.280.628
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		46.247.064	62.270.664
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		254.342.630	292.205.093
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.469.374.691	20.326.869.118
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	19.469.374.691	20.326.869.118
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.600.000.000	12.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.125.706.581	5.125.706.581
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.280.000.000	1.185.083.451
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		483.668.110	1.416.079.086
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25.540.926.530	25.576.417.044

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

7

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bỏ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

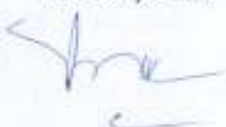
Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		94.430.478	94.930.478
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		3.730,00	3.730,00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



HUỲNH THỊ THỦY LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐOÀN NGỌC TRÂM

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2015



GIAM ĐỐC

PHẠM TUẤN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 02 - DN

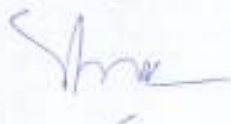
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

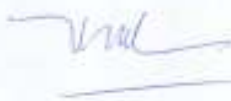
CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		33.577.855.778	35.306.705.925
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.577.855.778	35.306.705.925
4. Giá vốn hàng bán	11		28.346.502.111	29.196.809.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.231.353.667	6.109.896.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	508.412.266	604.350.457
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		38.025.435	56.294.091
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.2	2.052.949.696	2.335.061.831
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.646.790.792	4.322.890.758
11. Thu nhập khác	31	6.3	285.667.373	116.179.539
12. Chi phí khác	32	6.4	78.413.045	21.211.074
13. Lợi nhuận khác	40		207.254.328	94.968.465
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.856.045.120	4.417.859.223
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	852.377.010	1.191.710.912
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.003.668.110	3.226.148.311
18. Lãi(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	6.11.4	2.384	2.560

NGƯỜI LẬP BIỂU



HUỲNH THỊ THỦY LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐOÀN NGỌC TRÂM

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2015

GIÁM ĐỐC



PHẠM TUẤN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.856.045.120	4.417.859.223
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.113.594.768	1.101.463.471
Các khoản dự phòng	03		(4.958.379)	194.539.036
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(12.659.620)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(495.752.636)	(651.623.184)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.456.269.253	5.062.238.546
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		201.496.084	180.944.214
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		559.802.054	(188.120.813)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		670.161.233	(2.082.754.364)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(627.053.179)	545.734.725
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(665.071.867)	(1.374.054.863)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(116.625.000)	(359.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.478.978.578	1.784.227.645
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(240.000.000)	(1.479.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	47.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(10.058.000.000)	(5.292.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.803.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		495.752.636	604.350.457
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.000.752.636	(6.119.876.816)

(Phần tiếp theo trang 11)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

10

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.780.000.000)	(3.150.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.780.000.000)	(3.150.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		1.699.731.214	(7.485.649.171)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.840.333.043	10.325.982.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.659.620	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		4.552.723.877	2.840.333.043

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





HUỲNH THỊ THỦY LOAN

ĐOÀN NGỌC TRÂM

PHẠM TUẤN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hiệp Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là XI nghiệp Hiệp Thành trực thuộc Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Ngày 09 tháng 11 năm 1999, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Hiệp Thành theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 059265 ngày 03 tháng 01 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5800255574 vào ngày 04 tháng 09 năm 2012

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 140 người (31/12/2013: 139 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất các sản phẩm gạch, ngói các loại.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2000.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.



10/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản kỳ cược, kỳ quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và giảm sút giá trị phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ trong vòng 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định - Nhà phoi;
- Chi phí khoan.

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản. Một số tài sản được khấu hao theo phương pháp số dư giảm dần và đã có đăng ký với các cơ quan theo quy định.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2014</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 14 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 07 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07 năm

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: Các quỹ được trích lập và sử dụng theo điều lệ Công ty và Đại Nghị quyết hội đồng cổ đông thường niên.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đã bán ra trong năm được tính theo mức thuế suất là 10%.

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	121.142.007	125.386.466
Tiền gửi ngân hàng	433.581.870	702.946.577
Các khoản tương đương tiền	3.998.000.000	2.012.000.000
Tổng cộng	4.552.723.877	2.840.333.043

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	3.158.849.104	3.257.256.079
Các khoản phải thu khác	54.831.972	76.980.092
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	3.213.681.076	3.334.236.171
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.069.107.500)	(1.074.065.879)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	2.144.573.576	2.260.169.292

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, các khoản phải thu cho các bên liên quan là 136.682.700 VND – xem thêm mục 7.

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

5.4. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.169.451.308	3.271.364.369
Công cụ, dụng cụ	37.835.779	486.665.792
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	583.079.671	684.668.692
Thành phẩm	5.853.395.547	5.760.665.504
Hàng hóa	15.989.727	15.989.727
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9.659.752.030	10.219.554.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	9.659.752.030	10.219.554.084

5.5. Táng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.671.305.936	19.906.970.832	1.153.100.000	126.907.800	30.858.284.568
Mua trong năm	-	240.000.000	-	-	240.000.000
Số dư cuối năm	9.671.305.936	20.146.970.832	1.153.100.000	126.907.800	31.098.284.568
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	9.287.293.057	16.073.590.921	635.405.557	80.885.231	26.057.174.766
Khấu hao trong năm	206.963.842	788.734.544	98.833.332	12.629.714	1.087.161.432
Số dư cuối năm	9.474.256.899	16.842.325.465	734.238.889	93.514.945	27.144.336.198
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	404.012.879	3.833.379.911	517.694.443	46.022.569	4.801.109.802
Tại ngày cuối năm	197.049.037	3.304.645.367	418.861.111	33.392.855	3.953.948.370

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.948.147.791 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính	VND	
		Tổng cộng	
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	79.300.000	79.300.000	
Mua trong năm	-	-	
Số dư cuối năm	79.300.000	79.300.000	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	13.216.668	13.216.668	
Khấu hao trong năm	26.433.336	26.433.336	
Số dư cuối năm	39.650.004	39.650.004	
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	66.083.332	66.083.332	
Tại ngày cuối năm	39.649.996	39.649.996	

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	VND	
		Đầu năm	
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	566.183.754	-	
Chi phí khoan	40.869.425	-	
Tổng cộng	627.053.179	-	

5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	VND	
		Đầu năm	
Phải trả người bán	1.910.093.604	1.189.152.910	
Người mua trả tiền trước	58.811.281	81.360.035	
Tổng cộng	1.968.904.885	1.270.512.945	

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, các khoản phải trả cho các bên liên quan là 1.758.900.000 VND (số dư tại ngày 31/12/2013 là 770.510.560 VND) – xem thêm mục 7.

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	VND	
		Đầu năm	
Thuế giá trị gia tăng	135.770.897	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	132.914.397	-	
Thuế thu nhập cá nhân	16.226.450	6.278.596	
Tổng cộng	284.911.744	6.278.596	

5.10. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

5.11. Vốn chủ sở hữu**5.11.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	VND Cộng
Số dư đầu năm trước	12.600.000.000	4.775.250.381	1.000.848.914	1.874.621.512	20.250.720.807
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	3.226.148.311	3.226.148.311
Trích lập quỹ	-	350.456.200	184.234.537	(534.690.737)	-
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	(1.260.000.000)	(1.260.000.000)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(1.890.000.000)	(1.890.000.000)
Số dư đầu năm nay	12.600.000.000	5.125.706.581	1.185.083.451	1.416.079.086	20.326.869.118
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.003.668.110	3.003.668.110
Trích lập quỹ	-	-	74.916.549	(74.916.549)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(81.162.537)	(81.162.537)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(1.260.000.000)	(1.260.000.000)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(2.520.000.000)	(2.520.000.000)
Số dư cuối năm nay	12.600.000.000	5.125.706.581	1.260.000.000	483.668.110	19.469.374.691

(Phần tiếp theo ở trang 19)



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

5.11.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Khoáng sản và vật liệu xây dựng Lâm Đồng	7.562.600.000	60,02%	7.368.700.000	58,48%
Vốn góp của các đối tượng khác	5.037.400.000	39,98%	5.231.300.000	41,52%
Tổng cộng	12.600.000.000	100%	12.600.000.000	100%

5.11.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
• Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	1.260.000	1.260.000
• Số lượng cổ phần đã bán ra	1.260.000	1.260.000
• Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.260.000	1.260.000
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.11.4. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi / (Lỗ) sau thuế của cổ đông của Công ty	3.003.668.110	3.226.148.311
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.260.000	1.260.000
Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.384	2.560

5.11.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	1.416.079.086	1.874.621.512
Lợi nhuận sau thuế trong năm	3.003.668.110	3.226.148.311
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(350.466.200)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(74.916.549)	(184.234.537)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(81.162.537)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	(1.260.000.000)	(1.260.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm nay	(2.520.000.000)	(1.890.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	483.668.110	1.416.079.086

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**6.1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	495.752.636	604.350.457
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.659.620	-
Tổng cộng	508.412.256	604.350.457

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

**6.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.237.491.383	1.169.033.368
Chi phí vật liệu quản lý	143.285.317	159.525.638
Chi phí đồ dùng văn phòng	112.546.623	104.708.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	77.896.382	69.853.860
Thuế, phí và lệ phí	5.737.455	208.736.515
Chi phí dự phòng	(4.968.379)	194.539.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.006.574	120.917.464
Chi phí bằng tiền khác	351.844.341	307.747.150
Tổng cộng	2.052.949.696	2.335.061.831

6.3. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	47.272.727
Thu nhập từ bán phế liệu, phế phẩm	142.099.211	16.494.021
Thu nhập khác	143.668.162	52.412.791
Tổng cộng	285.667.373	116.179.539

6.4. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, truy thu thuế	8.905.455	8.252.243
Chi phí khác	69.507.590	12.958.831
Tổng cộng	78.413.045	21.211.074

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.856.045.120	4.417.859.223
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	31.055.455	29.261.322
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(12.659.620)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	3.874.440.955	4.447.120.545
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	852.377.010	1.111.780.137
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	79.930.775
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	852.377.010	1.191.710.912

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.524.766.438	15.764.732.093
Chi phí nhân công	12.683.550.530	11.964.061.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.113.594.768	1.101.463.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.684.464.070	2.467.429.507
Chi phí khác bằng tiền	422.042.458	791.501.757
Tổng cộng	30.428.418.264	32.109.187.977

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát Công ty con cùng chủ sở hữu

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.3		
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	136.682.700	-
Cộng	136.682.700	-

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.8		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	1.758.900.000	470.510.560
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	-	300.000.000
Cộng	1.758.900.000	770.510.560

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua nguyên vật liệu		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	2.982.096.707	4.155.020.486
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	-	541.567.125
Cộng	2.982.096.707	4.696.587.611



1/1/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	2.249.390.000	1.842.175.000
Cộng	2.249.390.000	1.842.175.000

- Thủ lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	384.000.000	384.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	629.304.190	672.917.085
Tổng cộng	1.013.304.190	1.056.917.085

B. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi số	
	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.552.723.877	2.840.333.043
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.144.573.576	2.225.467.072
Đầu tư ngắn hạn	4.547.000.000	5.292.000.000
Tổng cộng	11.244.297.453	10.357.800.115
Công nợ tài chính		
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	1.922.450.604	1.205.509.910
Tổng cộng	1.922.450.604	1.205.509.910

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

- **Mức tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đó là Mỹ (USD)	-	-	3.730,00	3.730,00

- **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

- **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tình thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	1.922.450.604	-	1.922.450.604
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	1.205.609.910	-	1.205.609.910

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆP THÀNH

Địa chỉ: Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.144.573.576	-	2.144.573.576
Đầu tư ngắn hạn	4.547.000.000	-	4.547.000.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.225.467.072	-	2.225.467.072
Đầu tư ngắn hạn	5.292.000.000	-	5.292.000.000

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2015.

NGƯỜI LẬP BIỂU

HUỲNH THỊ THỦY LOAN

KÊ TOÁN TRƯỞNG

ĐOÀN NGỌC TRÂM

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 03 năm 2015

GIÁM ĐỐC



PHẠM TUẤN ANH